TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HSST
Ngày:26/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*** : Ông Phạm Thế Anh.
- ***Các Hội thẩm nhân dân*** : Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K -tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HS ngày 13/9/2018 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Phan Văn Đ,** sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Đ1 và bà Trần Thị N; có vợ là Phạm Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự : không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 26/6/2018 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Thanh Tâm và ông Phạm Duy Hưng, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình (có mặt ông Hưng, vắng mặt bà Tâm).

* Người bị hại:

- Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1991; Trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991; Trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị T3, sinh năm 1980; Trú tại xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Phạm Thị V, sinh năm 1985; Trú tại xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

+ Những người làm chứng: Anh Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị X, chị Bùi Thị B và chị Bùi Thị L (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Do không có tiền tiêu sài nên trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2018 bị cáo Phan Văn Đ đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 23 giờ ngày 19/5/2018 Phan Văn Đ đạp xe từ nhà tìm nơi trộm cắp tài sản ; khi đến nhà chị Phạm Thị T3 ở xóm 6, xã K, huyện K, Đ dựng xe ở bãi đất trống cạnh nhà chị T3 và đi ra phía sau nhà, thấy cửa sắt phía sau không khóa nên Đ mở cửa đi vào trong theo hành lang nhà đến cửa hông rồi vào phòng khách nhà chị T3 lần lượt mang 02 loa thùng, 01 âm ly, 01 đầu lọc đưa ra bãi đất trống cạnh nhà, sau đó Đ vào phòng ngủ lấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng đang sạc phin ở cuối giường bỏ vào túi quần rồi đi ra khỏi nhà. Đ dùng xe đạp chở số tài sản trộm cắp về nhà cất dấu. Chiếc điện thoại, Đ tháo sim vứt đi rồi cất vào tủ và sau đó cho vợ là Phạm Thị V sử dụng, còn các thiết bị âm thanh vài ngày sau Đ mang ra lắp đặt sử dụng. Ngày 26/6/2018 chị T3 có đơn trình báo đến công an huyện K về việc mất trộm.

Kết luận định giá tài sản số 20/HĐ-ĐG ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận 01 điện thoại SamsungGlaxy J7 Prime màu vàng đồng, chất lượng còn lại 80% có giá trị còn lại 4.400.000đ ; 02 loa thùng nhãn hiệu BMB CSX 850 chất lượng còn lại 80% có giá trị còn lại 2.280.000đ ; 01 âm ly nhãn hiệu Jargur Suhyoung PA-506N chất lượng còn lại 80% có giá trị còn lại là 1.740.000đ ; 01 đầu lọc ấm thanh nhãn hiệu Inkel EQ-3300 chất lượng còn lại 80% có giá trị còn lại 780.000đ. Như vậy tổng giá trị tài sản mà Đ đã trộm cắp của chị T3 có giá trị 9.200.000đ.

Lần thứ hai: chiều tối ngày 19/6/2018 Đông đạp xe từ nhà tìm nơi trộm cắp tài sản; qua nhà anh Bùi Xuân T ở xóm 2 xã K, huyện K thấy anh T dùng điện thoại di động màn hình lớn, Đ nảy sinh ý định trộm điện thoại của anh T nhưng khi đó còn sớm chưa thực hiện được nên Đ quay về nhà, đến khoảng 1 giờ 45 phút ngày 20/6/2018 Đ đạp xe đến nhà anh T dựng xe trên đường rồi đi bộ đến nhà anh T. Nhìn qua cửa sổ, thấy trong nhà điện sáng, mọi người đều đã ngủ, trên đầu giường phòng ngủ có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng, bên ngoài bọc ốp nhựa viền đen đang cắm sạc, Đ đi đến cửa hông phía tây nhà anh T dùng tay luồn qua khe cửa kéo chốt sắt không có khóa và đẩy cửa đi vào bên trong sau đó đi thẳng đến chỗ giường ngủ rút điện thoại ra khỏi sạc bỏ vào túi quần và theo lối cũ ra ngoài. Sau đó tháo sim và ốp lưng điện thoại vứt xuống sông gần nhà rồi cất điện thoại vào tủ quần áo. Sáng ngày 23/6/2018 Đ điều khiển xe mô tô Honda Wave RS BKS 35M2 – 1046 của vợ là chị Phạm Thị V mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng của anh Nguyễn Văn M ở xóm 8, xã L để bán, tuy nhiên do không biết mật khẩu Icloud của điện thoại nên không bán được. Ngày 24/6/2018 anh Bùi Xuân T có đơn trình báo với công an huyện K.

Tại bản kết luận định giá số 15/HĐ-ĐG ngày 26/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng dung lượng 32GB chất lượng còn lại 80% có giá trị còn lại là 15.520.000đ.

Lần thứ ba: khoảng 20 giờ ngày 20/6/2018 Đ đạp xe từ quán cafê Thành Tâm ở thị trấn B về nhà, khi đi qua xóm 2, xã K, thấy nhà chị Nguyễn Thị T2 có đèn điện sáng không có ai ở trong nhà, trên kệ ti vi có một chiếc điện thoại Sam sung Glaxy J7 Pro màu hồng có ốp nhựa màu xám đang cắm sạc, quan sát xung quanh không thấy ai Đ đẩy cửa kính vào nhà rút chiếc điện thoại ra khỏi sạc bỏ vào túi quần ; trên đường về, Đ tháo sim và ốp nhựa vứt xuống sông sau đó về nhà cất điện thoại trong tủ quần áo. Ngày 26/6/2018 chị T2 có đơn trình báo đến công an huyện K về việc bị mất trộm.

Tại bản kết luận định giá số 20/HĐ-ĐG ngày 26/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J7 Pro vỏ màu hồng dung lượng 32GB chất lượng còn lại 80% có giá trị còn lại là 4.960.000đ.

Quá trình điều tra đối với vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại nhà anh Bùi Xuân T, bị cáo Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh T và đồng thời tự khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản ngày 19/5/2018 tại nhà chị Phạm Thị T3 và tối ngày 20/6/2018 tại nhà chị Nguyễn Thị T2. Tự giác giao nộp cho cơ quan công an 01 điện thoại Iphone7 plus màu hồng có dung lượng 32GB; 01điện thoại Sam sung Glaxy J7 Pro màu hồng có dung lượng 32GB ; 01 xe đạp ASANTA màu trắng,

Ngày 26/6/2018 khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Văn Đông và thu giữ 02 loa thùng nhãn hiệu BMB CSX850 ; 01 âm ly nhãn hiệu Jargur Suhyoung PA-506N ; 01 đầu lọc âm thanh nhãn hiệu In kel EQ-3300 và 01 điện thoại Sam sung Glaxy J7 Prime màu vàng đồng là tài sản Đ chiếm đoạt của nhà chị Thủy.

Bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 29/8/2018 VKSND huyện K đã truy tố bị cáo Phan Văn Đ về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Phan Văn Đ từ 18 - 21 tháng tù.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo ông Phạm Duy Hưng, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình không phản đối những phân tích đề xuất của Kiểm sát viên như đã nêu trên về hành vi và tội danh ; đề nghị HĐXX xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, bản thân mới bị tai nạn, sức khỏe yếu và hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn là hộ cận nghèo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Văn Đ đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai: bị cáo làm nghề thợ xây, khoảng đầu năm 2018 bị cáo bị tai nạn không tiếp tục đi xây được nên không có tiền tiêu sài nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để phục vụ cho bản thân. Thực hiện ý định trên bị cáo đã đi quan sát các nhà dân xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản của họ và bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp gồm đêm 19/5/2018 trộm cắp của nhà chị Phạm Thị T3 ở xóm 6, xã K 02 loa thùng, 01 âm ly, 01 đầu lọc và 01 điện thoại Sam sung Galaxy J7 màu vàng đồng, tiếp đó đêm ngày 20/6/2018 trộm của anh Bùi Xuân T ở xóm 2, xã K 01 điện thoại Iphone7 và tối ngày 20/6/2018 trộm của chị Nguyễn Thị T2 ở xóm 2, xã K 01 điện thoại Sam sung Galaxy màu hồng. Đến ngày 25/6/2018 khi bị công an thị trấn B triệu tập làm việc liên quan đến vụ trộm điện thoại của anh T thì bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và tự thú đối với việc trộm cắp tài sản của gia đình chị Phạm Thị T3 ở xóm 6, xã K và chị Nguyễn Thị T2 ở xóm 2, xã K, đồng thời tự giác giao nộp 02 chiếc điện thoại đã trộm cắp của anh T và chị T2 cho cơ quan công an.

[2] Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản tiếp nhận đơn trình báo, biên bản sự việc, biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cũng như các kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện K. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản bị cáo Pham Văn Đ đã có hành vi 3 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác gồm lần 1 tài sản có giá trị là 9.200.000đ, lần 2 là 15.520.000đ và lần 3 là 4.960.000đ, tổng giá trị cả 3 lần trộm cắp là 29.680.000đ ; hành vi đó của bị cáo Phan Văn Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ, sau đó đem về cất dấu nhằm phục vụ cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

Tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện ba lần trộm cắp tài sản, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi bị cơ quan công an triệu tập đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình đồng thời tự thú đối với những lần phạm tội khác; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; Những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

[5] Trong vụ án này, chị Phạm Thị V (vợ bị cáo) sử dụng tài sản do bị cáo trộm cắp là chiếc điện thoại Sam sung Galaxy J7 đồng thời thấy bị cáo sử dụng các thiết bị âm thanh do bị cáo trộm cắp của chị T3, nhưng chị V không biết đó là các tài sản do bị cáo trộm cắp mà có vì vậy không có căn cứ xử lý trách nhiệm đối với chị Vân.

[6] Về trách nhiệm dân sự: số tài sản bị cáo trộm cắp đã được cơ quan công an thu hồi trả lại cho người bị hại; những người bị hại đã được nhận lại đầy đủ tài sản là các thiết bị âm thanh và điện thoại các loại; riêng 03 sim điện thoại và 02 vỏ ốp điện thoại có giá trị không lớn nên những người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm do vậy trách nhiệm dân sự của bị cáo không cần xem xét đến nữa.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án. Tuy nhiên chiếc xe đạp bị cáo đã 03 lần dùng làm phương tiện phạm tội là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, mặc dù giá trị không lớn, theo trình bày của bị cáo và gia đình thì giá trị của chiếc xe đạp trên được mua trước khi bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khoảng 01 tháng với giá trị là 380.000đ, do bị cáo dùng xe đạp làm phương tiện phạm tội nhưng chị V vợ bị cáo không biết nên chỉ bị tịch thu 1/2 giá trị là phần của bị cáo, lẽ ra cần phải định giá và tiếp tục quản lý chiếc xe trên để đảm bảo thi hành án, nhưng cơ quan điều tra đã trả lại cho chị V là chưa phù hợp, do vậy qua bản án này cần kiến nghị cơ quan điều tra trong việc xử lý vật chứng nêu trên, đồng thời cần buộc bị cáo phải nộp số tiền 1/2 giá trị chiếc xe đạp nêu trên là 190.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01USB chứa dữ liệu trích xuất camera đựng trong phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia, đây là vật chứng của vụ án, tuy nhiên USB là của cơ quan điều tra hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K vì vậy cần trả lại cho cơ quan điều tra công an huyện K.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật, trừ việc xử lý vật chứng đối với chiếc xe đạp bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội chưa được chính xác cần phải rút kinh nghiệm để xử lý đối với các trường hợp tương tự.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm r, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/6/2018.

Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu từ bị cáo Phan Văn Đ số tiền 190.000đ là 1/2 giá trị chiếc xe đạp bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội để sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho cơ quan điều tra công an huyện K 01USB chứa dữ liệu trích xuất ca mê ra đựng trong phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia.

Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí buộc bị cáo Phan Văn Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Phạm Thế Anh